

Số: **167/2019/QĐST-HNGĐ**

Phú Vang, ngày 08 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, Điều 58 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân thụ lý số: 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Trần Thị P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: xã An, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 06/9/2019, Tòa án nhân dân huyện Phú Vang nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, đối với người yêu cầu là chị Trần Thị P và anh Trần Văn T. Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị Trần Thị P và anh Trần Văn T cùng xác nhận vợ chồng có 1 người con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 04/12/2008. Hiện nay cháu Ngọc đang ở với chị P.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao cháu Trần Bảo N cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị P và anh Trần Văn T cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản gì chung, không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 9 năm 2019, chị Trần Thị P và anh Trần Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu như ban đầu và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên đương sự. Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Trần Văn T.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận, giao cháu Trần Bảo N cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Ngọc trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị P và anh Trần Văn T cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản gì chung, không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu 150.000 đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị Trần Thị P và anh Trần Văn T cùng xác nhận vợ chồng có 01 người con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 04/12/2008. Hiện nay cháu N đang ở với chị P.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao cháu Trần Bảo N cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Chị Trần Thị P và anh Trần Văn T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức đóng góp phí tồn nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị P và anh Trần Văn T cùng xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản gì chung, không có nợ nần gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Chị Trần Thị P phải chịu 150.000 đồng, anh Trần Văn T phải chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2013/006760 ngày 18 /9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang. Chị Trần Thị P và anh Trần Văn T Trần Thị P và anh Trần Văn T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS Phú Vang;
- UBND xã Phú An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu bản án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

NGUYỄN HƯƠNG LAN